

Chính sách tỷ giá hối đoái: kinh nghiệm ứng xử để tận dụng thời cơ

(Tiếp theo và hết)

TRẦN ĐÌNH THIÊN

1.3. Kinh nghiệm Trung Quốc: khả năng lên giá đồng NDT và tác động

Hiện nay, thế giới đang đối diện với nền kinh tế Trung Quốc khổng lồ đang trỗi dậy mạnh mẽ, với cả sức hút và sức đẩy lớn chưa từng thấy. Sự trỗi dậy này gây ra những tác động và hiệu ứng phát triển “ngược chiều” trên toàn thế giới. Một mặt, nhiều nước muốn thoát khỏi nhập siêu với Trung Quốc nhưng mặt khác lại cũng muốn hưởng lợi từ việc nhập khẩu tiêu dùng hàng giá rẻ sản xuất ở nước này. Hoặc mặc dù nhiều nước không muốn Trung Quốc lớn mạnh nhanh chóng để trở thành địch thủ cạnh tranh nhưng các công ty toàn cầu đều thích đầu tư vào đây để dễ dàng bán hàng trên thị trường thế giới.

Đây thực sự là thế “tiến thoái lưỡng nan” cho cả hai bên - cả đối với Trung Quốc lẫn đối với các quốc gia khác⁷. Giải pháp để thoát khỏi tình thế đó là gì?

Vì tình thế là “lưỡng nan” nên chắc chắn sẽ không thể có một giải pháp hay một hệ giải pháp toàn diện và triệt để để giải quyết vấn đề. Phương hướng chung mang tính khả thi là cả hai bên buộc phải chấp nhận chia sẻ (đánh đổi) lợi ích để sao cho cuộc chơi diễn ra bảo đảm cho cả hai bên cùng thắng. Cán cân lợi ích được chia sẻ nghiêng về biến số nào của cuộc chơi lại tùy thuộc vào tương quan và sự cân nhắc lợi ích của mỗi bên trong từng tình huống cụ thể.

Hiện nay, tình trạng thâm hụt mậu dịch với Trung Quốc của hầu như tất cả các nền kinh tế phát triển đã trở nên ngày càng gay gắt và động chạm đến nhiều

nhóm lợi ích xã hội, làm tổn thương “uy tín” quốc gia, đã đặt trước Chính phủ nhiều nước, đặc biệt là Mỹ và EU, yêu cầu cấp bách phải nhanh chóng giảm thâm hụt thương mại, lập lại cân bằng trong các cán cân tài khoản vốn và tài khoản vãng lai với Trung Quốc. Để đạt mục tiêu đó, giống như với Nhật Bản trước đây, Mỹ và các nước G7 khác đang gây áp lực rất mạnh buộc Trung Quốc phải tăng giá đồng NDT lên 20-40% trong một thời gian ngắn.

Cả áp lực đòi NDT lên giá, lẫn quá trình lên giá của đồng tiền này đều đang diễn ra trên thực tế. Áp lực thì ngày càng gia tăng, còn Chính phủ Trung Quốc thì cố gắng trì hoãn sự tăng giá để tiếp tục thúc đẩy xuất khẩu, nâng cao tiềm lực tài chính và tránh gây sốc trong nền kinh tế và xã hội. Vì vậy, quá trình lên giá của đồng NDT

Trần Đình Thiên. PGS.TS. Viện Kinh tế Việt Nam.

7. Không chỉ có các nước nhập khẩu từ Trung Quốc và các nước đầu tư vào Trung Quốc lâm vào thế “lưỡng nan” này. Bản thân Trung Quốc cũng phải chịu một tình thế “lưỡng nan” tương tự. Chỉ có một sự khác biệt “nhỏ” ở đây là sự khác “chiều” của thế “lưỡng nan”. Có thể nêu một ví dụ minh họa: từ góc nhìn “đánh đổi” của phía Trung Quốc, dễ thấy rằng nếu không có Mỹ nhập siêu rất lớn từ Trung Quốc thì Trung Quốc không thể tăng trưởng nhanh được. Vì thế, Trung Quốc phải chấp nhận tình trạng “nợ” ngày càng lớn của Mỹ, giống như Mỹ phải chịu cảnh nhập siêu lớn kéo dài. Để minh họa thật rõ tình huống này, có thể đưa ra một hình ảnh cực đoan: trên thế giới có hai người thì một người cứ lo sản xuất, còn người kia thì cứ lo tiêu dùng các thứ mà người kia sản xuất ra mà không trả tiền vội. Lợi ích cả hai tùy thuộc chặt chẽ vào nhau. Có thể coi đây là một hình ảnh đặc trưng của mối quan hệ kinh tế trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

đang diễn ra nhưng với tốc độ chậm và được Chính phủ Trung Quốc kiểm soát chặt chẽ.

Việc tăng giá đồng NDT trong bối cảnh nền kinh tế Trung Quốc đã trở nên hùng mạnh, đang trên đà tăng trưởng nhanh (tốc độ tăng trưởng cao của nền kinh tế Trung Quốc được dự báo là sẽ tiếp tục duy trì trong trung và dài hạn) sẽ mang lại những hệ quả nào? Đây là một câu hỏi lớn vì tác động của việc tăng giá này là rất mạnh mẽ, đa chiều và khó dự báo.

Với giải pháp lên giá đồng Yên do chính thế giới áp đặt, Nhật Bản đã từng bắt thế giới "chịu nạn" chứ không phải Nhật Bản là "nạn nhân". Vậy thì liệu thế giới có phải chịu một tác động tương tự từ phía Trung Quốc một khi đồng NDT tăng giá? Và nền kinh tế Trung Quốc sẽ như thế nào khi điều đó xảy ra - lại một có "đột phá" phát triển mạnh nữa chăng?

Điều có thể khẳng định ngay là việc tăng giá NDT không mang lại tác động tích cực một chiều cho thế giới như nhiều nước đang kỳ vọng. Ngay cả đối với các nền kinh tế "nhập siêu" từ Trung Quốc cũng vậy.

Tăng giá đồng Nhân dân tệ: điều gì sẽ xảy ra

Áp lực đòi Chính phủ Trung Quốc tăng giá đồng Nhân dân tệ đang dâng lên rất cao. Vì nhiều lý do, Trung Quốc đang cố gắng trì hoãn nhiệm vụ này. Nhưng càng trì hoãn thì áp lực tự nó sẽ càng lớn. Việc tăng giá đồng Nhân dân tệ đã trở thành điều không thể tránh khỏi.

Nhưng vấn đề đặt ra không đơn giản chỉ là việc Trung Quốc phá giá NDT 20%, 30%, hay thậm chí 40%, để tái lập thế cân bằng trong thương mại quốc tế. Bài học tăng giá đồng Yên năm 1985 vẫn còn nóng hổi. Theo bài học đó, không thể chỉ dựa vào lý thuyết để khẳng định rằng việc tăng giá NDT chắc chắn sẽ giải quyết được vấn đề cán cân thương mại của thế giới với Trung Quốc,

cho dù lý thuyết đó là rất đúng về mặt ... lý thuyết. Mọi chuyện tùy thuộc rất nhiều vào thời điểm, mức độ, cách thức Trung Quốc tăng giá đồng tiền của mình. Và còn nhiều biến số tùy thuộc khác nữa.

Bài học Nhật Bản trong thập niên 1980 chứa đựng một hàm ý rằng với việc tăng giá đồng NDT, nếu không thận trọng và không có giải pháp "phản ứng phòng ngừa" tốt, thế giới có thể bị rơi vào bẫy "cò ke" hay mắc vào thế "tiến thoái lưỡng nan" với Trung Quốc trong quan hệ xuất khẩu - đầu tư từ Trung Quốc ra bên ngoài, giống như đã từng bị mắc với Nhật Bản sau Hiệp ước Plaza. Thậm chí, tình hình có thể còn gay gắt hơn. Với thế và lực to lớn, với đà tăng trưởng cao còn tiếp tục kéo dài chưa có khả năng phanh hãm lại, vị thế kinh tế toàn cầu của Trung Quốc hiện nay là rất lớn (ít nhất cũng không kém vị thế kinh tế của Nhật Bản năm 1985). Với vị thế đó, khó ai lường trước được cục diện, động thái kinh tế thế giới một khi đồng NDT tăng giá.

Cần đọc lại các bài học của Hiệp ước Plaza 1985 để đoán định xu hướng và các hệ quả của sự kiện này. Nhưng có một điều chắc chắn: tác động của việc đồng NDT tăng giá đến nền kinh tế thế giới sẽ vô cùng to lớn.

Với những nền kinh tế lúng túng của Trung Quốc và có thực lực yếu hơn, sự cảnh báo này càng gay gắt gấp bội. Nhận định này có hàm ý rất rõ cho Việt Nam.

Trước hết, theo nguyên lý truyền thống, đồng NDT lên giá có thể sẽ gây ra những tác động bất lợi nhất định cho hoạt động xuất khẩu của Trung Quốc. Đồng NDT lên giá sẽ làm cho sản phẩm của Trung Quốc trở nên kém cạnh tranh hơn về giá trên thị trường quốc tế. Nhờ đó, các nền kinh tế nhập khẩu từ Trung Quốc sẽ có khả năng giảm được tình trạng "nhập siêu"; còn các đối thủ cạnh tranh xuất khẩu với Trung Quốc cũng sẽ có cơ hội tăng xuất khẩu các mặt hàng cạnh tranh với hàng hóa Trung Quốc.

Nhưng đó chỉ là một mặt của vấn đề. Trước hết, trong thời đại toàn cầu hóa, xuất hiện một hiện tượng mới: tác động “tỷ giá” đến thành tích xuất khẩu có thể không mạnh như mong muốn. Thêm vào đó, dễ nhận thấy rằng bù lại những bất lợi và tổn thất (tiềm năng) do đồng NDT lên giá, chính điều này lại tạo ra cho Trung Quốc những cơ hội thu lợi không nhỏ. Về dài hạn, sự lên giá của đồng NDT sẽ giúp Trung Quốc thu được nhiều lợi ích. Những lợi ích đó bắt nguồn từ chỗ:

- Khi đồng NDT lên giá, giá sản phẩm đầu vào nhập khẩu của Trung Quốc, tính ra NDT, sẽ rẻ đi tương ứng. Điều này sẽ làm giảm đáng kể tác động tiêu cực do giá thành sản phẩm xuất khẩu tăng lên gây ra⁸.

- Về dài hạn, nền kinh tế Trung Quốc sẽ phải tái cơ cấu lại để thích ứng với xu hướng lên giá của đồng NDT. Xu hướng cơ bản của quá trình tái cơ cấu này là dịch chuyển các quá trình sản xuất lên các nấc thang công nghệ cao hơn. Giống như Nhật Bản trước đây, một trong những hướng chuyển dịch tiềm năng cơ cấu sản phẩm chủ yếu của Trung Quốc dưới tác động của việc đồng NDT lên giá sẽ là đầu tư ra nước ngoài, theo nguyên lý “lan tỏa công nghiệp” hay “đội hình đàn sếu bay”.

Liệu có thể có “làn sóng công nghiệp” từ Trung Quốc?

Đối với Trung Quốc, quá trình tái cơ cấu, “lan tỏa công nghiệp” có thể sẽ diễn ra khác với những gì đã diễn ra ở Nhật Bản mấy chục năm trước. Trung Quốc là một quốc gia có quy mô địa lý khổng lồ. Lãnh thổ Trung Quốc rộng lớn, bao gồm các tỉnh có quy mô dân số và lãnh thổ tương đương với một quốc gia tương đối lớn (cỡ 35-100 triệu dân/tỉnh, thành phố). Giữa các địa phương của Trung Quốc hiện đang tồn tại sự khác biệt về trình độ phát triển, lớn đến mức đủ để dung chứa “đội hình đàn sếu bay” của quá trình chuyển dịch cơ cấu trong một khoảng thời gian nhất định (10-15 năm). Trong khoảng thời gian

này, quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành có thể chỉ diễn ra trong chính nội địa Trung Quốc, từ miền Đông sang miền Tây, mà không nhất thiết phải chuyển sang nước khác thông qua đầu tư trực tiếp ra ngoài. Đó là lý do để GS. Trần Văn Thọ đề cập đến khả năng “làn sóng công nghiệp có thể sẽ không lan tỏa tiếp xuống các nước có trình độ phát triển thấp hơn như Việt Nam mà (chỉ) lan rộng trong nội bộ Trung Quốc” (Trần Văn Thọ. 2005).

Lập luận của GS. Trần Văn Thọ cảnh báo về một nguy cơ thực tế. Nó gửi đi một thông điệp rõ ràng về khó khăn to lớn mà Việt Nam phải đương đầu khi tham gia vào mạng lưới sản xuất khu vực đang được cấu trúc lại, vừa theo nguyên tắc “đàn sếu bay”, vừa theo nguyên tắc “chuỗi giá trị gia tăng” trong bối cảnh có sự hiện diện của Trung Quốc với tư cách là một nền kinh tế cạnh tranh trực tiếp.

8. Ngày càng xuất hiện nhiều ý kiến nghi ngờ tác động làm giảm thâm hụt thương mại từ Trung Quốc của nhiều nước khi đồng NDT lên giá. Một số nhà kinh tế phương Tây cho rằng trong thời đại toàn cầu hóa, cơ cấu thương mại của Trung Quốc khiến thặng dư thương mại của nước này hầu như “miễn dịch” trước đơn thuốc kinh điển “tỷ giá hối đoái mạnh hơn”. Do toàn cầu hóa, phần đóng góp “thực” của Trung Quốc trong giá trị sản phẩm xuất khẩu từ Trung Quốc trung bình chỉ chiếm 20-30%, cùng lắm cũng chỉ 40-50%. Với đồng NDT lên giá, Trung Quốc sẽ được hưởng lợi từ giá nhập khẩu đầu vào. Mà bộ phận nhập khẩu này, cùng với quá trình toàn cầu hóa, ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm của Trung Quốc. Trong khi đó, tác động tiêu cực của tỷ giá chỉ là lên phần “thực” 20-30% giá trị sản phẩm được tạo ra ở Trung Quốc (và phần này có thể đang ngày càng nhỏ đi). Stephen Green, nhà kinh tế của Standard Chartered Bank thậm chí còn đi xa hơn khi cho rằng nếu đồng NDT lên giá thực tế 20% sẽ làm tăng 11,2% thặng dư thương mại hàng gia công của Trung Quốc. Theo ông, ngay cả khi đồng NDT tăng giá 35% thì cũng chỉ làm giảm thặng dư thương mại hàng gia công của Trung Quốc 5,3%. Con số này chẳng thấm thía gì so với mức thặng dư hàng gia công 143 tỷ USD năm ngoái.

TTXVN. Kinh tế quốc tế. Bản tin Chủ nhật 039-TTX (24-9-2006).

Tuy nhiên, nguy cơ đó chỉ là một khả năng. Trên thực tế, do có những lợi thế nhất định, Việt Nam vẫn có nhiều cơ hội để hấp dẫn sự “lan tỏa công nghiệp” từ phía Trung Quốc. Trên thực tế, điều này đang diễn ra và có xu hướng gia tăng. Vì vậy, có thể nói rằng vấn đề đặt ra không phải là làn sóng dịch chuyển cơ cấu có lan tỏa từ Trung Quốc sang Việt Nam không mà là trong quá trình “lan tỏa” này, Việt Nam cần tiếp nhận loại sản phẩm nào, công nghệ nào từ Trung Quốc, theo lộ trình và giải pháp chiến lược nào để bảo đảm cho quá trình CNH, HĐH rút ngắn của chính Việt Nam diễn ra có kết quả, giúp đất nước thu hẹp nhanh khoảng cách tụt hậu so với thế giới.

Đây là một trong những vấn đề lớn, thậm chí rất lớn và rất cấp bách đang đặt ra cho Việt Nam hiện nay trong khuôn khổ quá trình CNH, HĐH “rút ngắn” theo định hướng XHCN. Nó cần được dành một sự quan tâm nghiên cứu đầy đủ.

Xu hướng “lan tỏa” cơ cấu theo kiểu “đội hình đàn sếu bay” từ Trung Quốc sang Việt Nam dưới tác động của việc đồng NDT lên giá là rất lớn. Thậm chí, có thể nói là không tránh khỏi.

Trong mấy năm gần đây, nhiều doanh nghiệp Trung Quốc đã đầu tư sang Việt Nam để tận dụng lợi thế giá nhân công rẻ, sự thuận lợi về nguồn nguyên liệu và vị trí địa lý. Xu hướng đầu tư này chắc chắn sẽ được đẩy mạnh hơn khi đồng NDT lên giá.

Khả năng dịch chuyển đầu tư từ Trung Quốc sang Việt Nam tạo ra một tình thế phát triển mới cho nền kinh tế nước ta. Tình thế đó chứa đựng cả cơ may lẫn thách thức rất lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Một mặt, nó đang mở ra khả năng bùng nổ đầu tư và tăng trưởng. Chiều theo kinh nghiệm Nhật Bản cách đây hai thập niên, khả năng này mang tính hiện thực rất cao. Thậm chí, có thể nghĩ đến một làn sóng đầu tư mạnh hơn cả về quy mô lẫn cường độ. Nhưng mặt khác, nếu Việt Nam không biết tận dụng thời cơ để bứt lên, chỉ

biết tiếp nhận một cách thụ động “làn sóng” này, thì chắc chắn sẽ phải nhận những hậu quả phát triển tiêu cực⁹ (đặc biệt là hậu quả công nghệ).

2. Một số bài học từ kinh nghiệm “đột phá phát triển”

Các kinh nghiệm đột phá thực tiễn của thế giới và Việt Nam chắc chắn chứa đựng nhiều bài học hữu ích. Tuy nhiên, việc khái quát các bài học chỉ với vài ví dụ đột phá nêu trên - một con số nhỏ bé so với số cuộc đột phá đã diễn ra trên thế giới và ở Việt Nam, sẽ không tránh khỏi những hạn chế. Do vậy, các bài học nêu ra ở đây cơ bản chỉ là những gợi ý ban đầu.

2.1. Bài học thứ nhất: chọn đúng điểm đột phá mới có thể tạo đột phá chính sách đúng (bài học về đúng “điểm”, đúng đối tượng)

Như đã nói, khái niệm “đột phá” gắn với sự tồn tại khách quan của cái gọi là điểm “nút” phát triển. Điểm “nút” này được hình thành trên cơ sở một quá trình vận động khách quan của nhiều mối quan hệ, đi tới chỗ tạo thành một “tổ hợp vấn đề”, cần được tháo gỡ để đẩy sự vật tiến lên. Nói chọn “chính sách đột phá” hay điểm “đột phá chính sách” không có gì khác hơn là phản ánh sự nhận thức điểm “nút - tổ hợp” phát triển đó, trên cơ sở đó, xác định các giải pháp (chọn chính sách) tháo gỡ điểm “nút” phù hợp để đẩy quá trình phát triển vượt thoát khỏi trạng thái “ách tắc” do điểm “nút” hoặc “tổ hợp” vấn đề gây ra.

9. Làn sóng dịch chuyển cơ cấu từ Nhật Bản cách đây 20 năm trải ra cho một loạt nước Đông Á kém phát triển hơn. Nhưng hiện nay, trong khu vực, số nền kinh tế có trình độ phát triển thấp hơn Trung Quốc ít hơn nhiều so với Nhật Bản trước đây. Do vậy, sự lan tỏa phát triển, nếu diễn ra, sẽ “chậm” hơn. Độ “chậm” đó cộng với quy mô khổng lồ của nền kinh tế Trung Quốc và được gia tốc bằng tốc độ đổi mới công nghệ nhanh hơn hiện nay cho phép nghĩ đến một làn sóng dịch chuyển cơ cấu từ Trung Quốc mạnh mẽ hơn so với quá trình đã diễn ra ở Nhật Bản trước đây.

Như vậy, xác định điểm đột phá và chọn chính sách đột phá là công việc chủ quan, phụ thuộc vào con người, vào bộ máy, nhưng cơ sở của sự lựa chọn đó lại là khách quan. Vì vậy, luôn tồn tại một khả năng chọn không đúng điểm đột phá (nhất là trong trường hợp nền kinh tế rơi vào vòng xoáy trì trệ - khủng hoảng) và do đó, đưa ra chính sách tháo gỡ (chính sách đột phá) không phù hợp.

Giải pháp và chính sách đúng là giải pháp và chính sách biết “nương theo hoàn cảnh”, lợi dụng xu thế để giải quyết vấn đề. Bất kỳ giải pháp nào không hợp xu thế và không biết “nương theo hoàn cảnh” chắc chắn chỉ làm vấn đề trở nên phức tạp, gây cản trở nhiều hơn chứ không giúp giải quyết vấn đề. Nguyên tắc này càng đúng đối với giải pháp và chính sách đột phá.

Nói như vậy cũng có nghĩa là để nhận thức đúng điểm đột phá và lựa chọn đúng chính sách, yếu tố quyết định là hiểu tiến trình phát triển chung, phân tích rõ tình hình, bối cảnh thực tế để nhận diện đúng thực chất điểm “nút”. Đây là cơ sở để xác định đúng giải pháp chính sách.

Ví dụ tạo đột phá mạnh nhân đà thế giới buộc nâng giá đồng Yên của Nhật Bản năm 1985 có thể coi là một ví dụ kinh điển về cái gọi là “nương theo hoàn cảnh” để “chuyển bại thành thắng”. Giải pháp ép buộc tăng giá đồng Yên được các chính phủ phương Tây tin tưởng là chắc chắn giải quyết được vấn đề thâm hụt với Nhật đã không mang lại kết quả mong đợi. Lý do là việc chuyển đổi chính sách tỷ giá lúc đó của Nhật Bản là hành động phù hợp với xu thế dài hạn: nền kinh tế Nhật Bản đã trưởng thành (vươn kịp nhiều nền kinh tế phương Tây và vượt lên hơn về năng lực cạnh tranh và đà tăng trưởng), tiềm lực tài chính đã đủ mạnh và đồng Yên không thể “yếu” như cũ được. Tận dụng đúng thời cơ, “mượn” chính sách “đột phá” của phương Tây để tạo đột phá cho mình đã giúp Nhật Bản vượt qua được một thời điểm rất khó

khăn của quá trình chuyển đổi trạng thái phát triển một cách ngoạn mục.

Việc tăng mạnh giá đồng NDT của Trung Quốc vào nửa đầu thập niên 1990 cũng là chọn đúng điểm nút để đưa ra giải pháp phù hợp. Nhờ đó, nền kinh tế Trung Quốc đã tạo được sự “thăng hoa”, trước tiên là trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại (ngoại thương và FDI), tạo điều kiện thúc đẩy quá trình tăng trưởng chung của nền kinh tế. Nên lưu ý rằng khi Châu Á lâm vào khủng hoảng 1997-1998, Trung Quốc lại là nước kiên định không phá giá tiếp đồng tiền của mình để “thích ứng” với tình hình và thu lợi trực tiếp nhờ tỷ giá, mặc dù Trung Quốc “được phép” và dường như hoàn cảnh cũng gây “áp lực” phá giá đối với Chính phủ Trung Quốc. Hành động mang tính “đánh đổi” này nằm trong một tầm nhìn xa đối với sự phát triển của Trung Quốc, theo đó, việc tạo lập vị thế, uy tín của Trung Quốc đối với Châu Á và với thế giới có một giá trị căn bản hơn.

Cũng có thể nói như vậy đối với Luật Doanh nghiệp năm 1999 của nước ta. Tính hợp xu hướng lớn của nó trong hoàn cảnh xu hướng đó đang bị kiểm chế đã làm cho việc ban hành đạo luật này có giá trị tháo gỡ mạnh mẽ.

Những lập luận trên đồng nghĩa với ý kiến rằng nếu chọn không đúng điểm đột phá thì không thể có chính sách đột phá tốt. Đột phá luôn luôn là đột phá điểm. Chọn đúng “điểm” khó khăn hơn việc nhận diện tình hình để thấy khó khăn, điểm yếu chung. Chính điều này phần nào giải thích tại sao trong giai đoạn vừa qua, mặc dù có rất nhiều nỗ lực và cũng thu được một số kết quả nhất định, việc giải quyết “ba khâu đột phá chiến lược” mà Đại hội Đảng IX xác định lại không thu được kết quả mong đợi. Một phần vấn đề là ở chỗ đó ba khâu đột phá đó thực chất là ba mảng, ba khối vấn đề lớn, đang tích đọng nhiều điểm “nút” phải tháo gỡ. Việc xác định khối vấn đề bị tích đọng cần khẩn trương

tháo gỡ để tạo sự chuyển biến chiến lược của Đại hội là đúng. Song đó chưa phải là điểm đột phá để có thể đưa ra một chính sách tháo gỡ cụ thể. Người ta không thể “đột phá” đồng thời vào cả “mảng” được, nhất là khi năng lực đột phá chưa đủ mạnh. Để giải quyết vấn đề trong từng khối, mảng vấn đề lớn đó, cần xác định đúng “điểm nút”, tìm ra “điểm quyết chiến lược”, trên cơ sở đó, mới tập trung sức mạnh tháo gỡ.

2.2. Bài học thứ hai, căn cứ vào sự chín muồi của các điều kiện để tiến hành đột phá (bài học về đúng thời cơ)

Một chính sách đưa ra đúng “nút” nhưng cũng phải “đúng lúc” thì giá trị tháo gỡ mới đủ mạnh. Khi đó, nó mới có ý nghĩa “đột phá”. Nếu không đúng lúc, có thể chính sách và giải pháp đó giúp thúc đẩy cải thiện tình hình nhưng khó có thể tạo ra sự xoay chuyển cục diện, xu hướng phát triển.

Thực chất của cái gọi là “đúng lúc”, đúng thời cơ này không có gì khác hơn là áp dụng chính sách và giải pháp khi điều kiện chín muồi. Hai ví dụ về đột phá tỷ giá của Nhật Bản và Trung Quốc nêu trên ít nhiều đều cho thấy giá trị của sự đúng lúc (chín muồi điều kiện) đó.

Việc Mỹ và nhiều nước phương Tây đang phải rất thận trọng trong việc gây áp lực buộc Trung Quốc lên giá đồng NDT hiện nay, trong khi vẫn có dư luận mạnh mẽ và rất gay gắt đòi hỏi như vậy, phần nào minh chứng cho lập luận trên. Sự ràng buộc quá chặt chẽ lợi ích của Trung Quốc và thế giới trong môi trường toàn cầu hóa đòi hỏi các chính phủ phương Tây phải tính đến “thời cơ” tăng giá đồng NDT với thêm những biến số mới. Bài học đồng Yên lên giá có lẽ đang sống dậy dưới hình hài đồng NDT, nhưng với một thế lực khác.

Bài học này cũng hàm ý một khía cạnh khác của đột phá: có thể thúc đẩy tiến trình đi tới “bùng nổ” đột phá bằng cách nỗ

lực tạo thêm các yếu tố, điều kiện hỗ trợ để tình thế chóng “chín muồi” hơn. Đây là cách thức chủ động thúc đẩy đột phá. Đối với những nền kinh tế đi sau, nhu cầu tăng tốc - vượt đuổi các nền kinh tế đi trước rất lớn thì khía cạnh này của bài học là cực kỳ quan trọng.

Hoặc kinh nghiệm Nhật Bản và Trung Quốc về việc tăng giá đồng tiền cũng cung cấp những gợi ý tương tự. Nền kinh tế phát triển thì việc đồng tiền tăng giá là không thể tránh khỏi. Câu hỏi đặt ra là cần làm gì để việc tăng giá đó không gây sốc mà ngược lại, giúp nền kinh tế thu lợi lớn? Việc tăng cường sức cạnh tranh, chuẩn bị tiềm lực tài chính quốc gia mạnh, củng cố hệ thống ngân hàng,... để “đón đầu” sự kiện tất yếu đó, biến cú sốc thành một cú đột phá phát triển có lẽ là bài học vẫn còn nhiều giá trị cho Việt Nam trong giai đoạn tới.

2.3. Bài học thứ ba: phải chuẩn bị các yếu tố hỗ trợ, nuôi dưỡng, tăng cường sức đột phá của chính sách đột phá (bài học tạo sức cộng hưởng đột phá)

Cả hai trường hợp lên giá đồng Yên (Nhật Bản) và phá giá đồng NDT (Trung Quốc) đều gắn liền với việc cả hai nền kinh tế này đã nỗ lực xây dựng một cơ cấu kinh tế mạnh, đủ sức tiếp nhận cả sức kích thích lẫn sức phản kích phát triển từ sự đột phá. Đối với Nhật Bản, đó là các ngành công nghiệp như ô tô, điện tử có sức cạnh tranh cao; là hệ thống ngân hàng có tiềm lực tài chính mạnh. Còn đối với Trung Quốc, sự hiện diện của hai lực lượng: các xí nghiệp hương trấn (công nghiệp phụ trợ) và các doanh nghiệp FDI (đầu tàu xuất khẩu) trong sự kết nối ngày càng chặt chẽ với nhau đã giúp cho việc phá giá đồng NDT phát huy tác dụng kích thích xuất khẩu tối đa.

Ngoài ra, đi liền với việc thực thi chính sách đột phá, Chính phủ hai nước này còn áp dụng một số chính sách có tác dụng hỗ

trợ khác. Điển hình nhất là Nhật Bản với các chính sách định hướng công nghệ tiết kiệm năng lượng đã giúp cho nền công nghiệp Nhật Bản duy trì được sức cạnh tranh cao, ngay cả khi đồng Yên lên giá mạnh. Nên lưu ý rằng đồng Yên lên giá năm 1985, tức là sau khi đã xảy ra hai cuộc khủng hoảng dầu lửa (1973 và 1979), cũng tức là sau khi Nhật Bản đã chuyển hướng thành công cơ cấu công nghiệp sang các ngành sử dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, công nghệ “tiểu hình hóa”, ô tô và đồ điện tử gia dụng.

Bài học về nhất quán chính sách trong “đột phá” gắn với một nội dung rất quan trọng trong hoạt động quản trị vĩ mô: phối hợp các mục tiêu và công cụ chính sách. Trong điều kiện bình thường, sự phối hợp này đã luôn luôn là một yếu tố quyết định hiệu quả hoạt động tổng thể của nền kinh tế. Tại thời điểm “nút”, vai trò này còn được nâng cao hơn.

Phối hợp chính sách hiện đang là một khâu yếu trong hoạt động quản lý và điều hành kinh tế vĩ mô ở nước ta. Do vậy, khi đề cao vai trò của đột phá, càng cần đề ý đến “khâu yếu” này trong quá trình triển khai thực hiện đột phá./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ An Cường, 2003. *Trung Quốc - những chiến lược lớn*. Nxb. Thông tấn, Hà Nội.
2. De Soto H. 2005. *Bí ẩn của vốn*. Nxb. Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
3. Donnet P.A. 1991. “Nước Nhật mua cả thế giới”. Nxb. Thông tin lý luận.

4. Gerschenkron Alexander. 1962. *Economic Backwardness in Historical Perspective*. Cambridge, Mass.: Harvard University Press.

5. Gil A., Kharas H., 2007. *Đông Á phục hưng. ý tưởng phát triển kinh tế*. Nxb. Văn hóa-Thông tin. Hà Nội.

6. Jomo K.S., 2003. *CNH của Đông Á: chính sách công nghiệp, các khả năng và sự phát triển bền vững*. Trong cuốn: *Tư duy phát triển hiện đại* (sách dịch). Nxb Khoa học xã hội.

7. Ohno K. 2006. *Hoạch định chính sách công nghiệp ở Thái Lan, Malaixia và Nhật Bản*. Nxb Lao động xã hội. Hà Nội, 2006.

8. Perkins Dwight H. *Chính sách công nghiệp và chính sách tài chính ở Trung Quốc và Việt Nam: một mô hình mới hay là sự tái hiện kinh nghiệm của Đông Á*. In trong Joseph E. Stiglitz và Shahid Yusuf, Chủ biên. 2002. *Suy ngẫm lại sự thần kỳ Đông Á*. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội.

9. Seiz Konrad. 2004. *Cuộc chạy đua vào thế kỷ XXI*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

10. Shojiro Tokunaga (Ed.) *Đầu tư nước ngoài của Nhật Bản và sự phụ thuộc kinh tế lẫn nhau ở Châu Á*. Nxb Khoa học xã hội, 1996.

11. Thurow Lester, 1994. *Đối đầu*. Nxb Lao động, Hà Nội.

12. Trần Đình Thiên, 2005. *Liên kết kinh tế ASEAN: vấn đề và triển vọng*. Nxb Thế giới. Hà Nội.

13. Trần Văn Thọ. 2005. *Biến động kinh tế Đông Á và con đường công nghiệp hóa Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội.

14. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (CIEM) và UNDP. 2004. *Chính sách phát triển kinh tế. Kinh nghiệm và bài học của Trung Quốc*. 3 tập. Nxb Giao thông vận tải. Hà Nội.